

Bản án số: 844/2025/HS-PT
Ngày: 23 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thúc.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Bắc.

Ông Nguyễn Thành Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở A, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 628/2025/TLPT-HS ngày 27/10/2025 đối với bị cáo Phạm Xuân T và đồng phạm do có kháng cáo của bị hại Vũ Hữu Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Phạm Xuân T, sinh năm: 1988 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Khu phố E, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (nay là Khu phố E, phường H, tỉnh An Giang); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Thuyền trưởng; Cha: Phạm Xuân T1; Mẹ: Nguyễn Thị L; Vợ: Nguyễn Thị T2 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 21/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại **Phân trại tạm giam Hồ Tràm thuộc Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H. (có mặt)**

2. Danh M, sinh năm: 1984, tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); Nơi cư trú: Tổ D, khu phố B, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (nay là Tổ D, khu phố B, phường H, tỉnh An Giang); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Cha: Danh Nêu (đã chết); Mẹ: Danh Ri; Vợ: Nguyễn Thị Kim H và có 02 người con sinh năm 2006 và năm 2008; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 21/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại **Phân trại tạm giam Hồ Tràm thuộc Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H. (có mặt)**

Bị hại có kháng cáo: Ông Vũ Hữu Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố E, phường H, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Lê Vĩnh Ngọc B. (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước với ông Vũ Hữu Q nên khoảng 13 giờ ngày 03/8/2024, khi đang uống rượu cùng các thuyền viên trên tàu cá mang số hiệu “KG.61788.TS”, Phạm Xuân T xem định vị phát hiện tàu cá mang số hiệu “KG.95970.TS” của ông Q đang neo đậu gần tàu của mình tại vùng biển thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) nên điều khiển tàu cập sát mạn tàu ông Q.

Sau đó, T mang theo 01 gậy dũa ba khúc bằng kim loại giấu trong người, đi sang tàu ông Q để nói chuyện. Tại đây, T và ông Q xảy ra mâu thuẫn xô xát. T liền dùng gậy dũa đánh 01 cái trúng vào vùng bấp vai phải của ông Q. Thấy T đánh nhau, Nguyễn Văn H1 (thuyền viên tàu của T) cầm 02 con dao (01 dao bầu, 01 dao Thái Lan) sang tàu ông Q, dùng dao chém trúng vào vùng vai trái của ông Q gây thương tích. Khi Q đưa tay lên đỡ, H1 tiếp tục chém nhiều nhất gây thương tích ở bàn **tay** phải. Bị chém, ông Q dùng tay đẩy T và H1 về phía sau làm Hựu rơi xuống biển. Lúc này, T và ông Q tiếp tục giằng co, xô xát làm T bị ngã xuống sàn tàu. Thấy vậy, Danh M (thuyền viên tàu của T) cầm cây xẻng sang tàu ông Q, đánh 01 cái trúng vùng bấp tay trái của ông Q. Sau đó, H1 trèo lên lại tàu, dùng dao kề vào cổ ông Q gây thương tích ở vùng cằm. Khi ông Q nói “Tao thua rồi”, T can ngăn và cùng H1, M trở về tàu. Trước khi rời đi, T còn dùng tay tát nhiều cái vào mặt ông Q.

Sau đó, T, M đã rút, làm rơi gậy dũa và cây xẻng xuống biển. Còn ông Q được các thuyền viên trên tàu đưa vào bờ điều trị thương tích và đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Xuân T, Danh M đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Đối với Nguyễn Văn H1 đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ ở đâu, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên đã ban hành Quyết định truy tìm người.

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 369/KLTTCT-PYBRVT ngày 23/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B (cũ) kết luận:

1. Kết quả khám giám định: 01 sẹo nhỏ vùng mặt; 01 sẹo hỗn hợp vai trái; 01 sẹo nhỏ cẳng tay phải; 01 sẹo hỗn hợp ngón IV bàn tay phải; 01 sẹo nhỏ ngón V bàn tay phải.

Kết quả cận lâm sàng: Gãy đốt 2 ngón IV bàn tay phải.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Hữu Q tại thời điểm giám định là: 12% (Mười hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với từng vết thương:
 - + Thương tích 1: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.
 - + Thương tích 2: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.
 - + Thương tích 3: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.
 - + Thương tích 4: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%; Thương tích 5: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.
- Vật gây thương tích và chiều hướng tác động:
 - + Thương tích 1: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ dưới lên trên, từ trái sang phải.
 - + Thương tích 2, 3, 4, 5: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng: Thương tích 2: Chiều hướng từ trên xuống dưới; Thương tích 3: Chiều hướng từ trái sang phải; Thương tích 4 và 5: Chiều hướng từ sau ra trước.

* Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 170/KLTTCT-PYBRVT ngày 02/6/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh B (cũ) kết luận:

1. Các kết quả chính:
 - Kết quả khám giám định: 01 sẹo nhỏ vùng mặt; 01 sẹo hỗn hợp vai trái; 01 sẹo nhỏ cẳng tay phải; 01 sẹo hỗn hợp ngón IV bàn tay phải kèm cứng khớp liên đốt; 01 sẹo nhỏ ngón V bàn tay phải kèm cứng khớp liên đốt.
 - Kết quả cận lâm sàng: Gãy cũ chỏm đốt gần ngón IV tay phải.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Hữu Q tại thời điểm giám định là: 13% (Mười ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Riêng tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương tích ở bàn tay phải hiện tại là 07% (Bút lục số: 119 - 124).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 2 (Hai) năm 6 (S) tháng tù và bị cáo Danh M 2 (H2) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/9/2025 bị hại Vũ Hữu Q kháng cáo đề nghị xem xét tăng hình phạt đối với hai bị cáo Phạm Xuân T và Danh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Theo lời khai của bị hại, người làm chứng đều cho rằng đối tượng K có tham gia đánh bị hại nhưng bị cáo không khai ra thể hiện bị cáo không khai báo thành khẩn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T.

* Bị hại Vũ Hữu Q khai: Thống nhất trình bày của Luật sư bảo vệ không bổ sung gì thêm.

* Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không bị oan; tỏ ra ăn năn hối cải mong muốn được bồi thường nhưng bị hại không yêu cầu.

Bị cáo T khẳng định ngoài bị cáo, M và H1 đánh bị hại thì không còn ai tham gia.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Bị hại kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị hại và Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị hại cho rằng ngoài T, M và H1 còn có L1 và K tham gia đánh bị hại, tuy nhiên đây là lời khai của bị hại, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý K và L1 là đúng. Đối với ý kiến đề nghị không cho bị cáo Thanh hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo từ đó xử phạt bị cáo T 02 năm 06 tháng tù và M 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Tại phiên tòa, bị hại không cung cấp thêm tình tiết nào mới làm căn cứ để xem xét cho kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Vũ Hữu Q kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo

đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các chứng cứ đã được thẩm tra có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa Phạm Xuân T với Võ Hữu Q1 nên khoảng 13 giờ ngày 03/8/2024, trên tàu cá mang số hiệu “KG.95970.TS” của Q1 đang neo đậu tại vùng biển Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), Phạm Xuân T, Danh M và Nguyễn Văn H1 đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là dũ ba khúc, xẻng (leng xúc đá), dao bầu và dao Thái Lan đánh chém nhiều nhát vào cằm, vai trái, cẳng tay phải, bàn tay phải của Q1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Xuân T, Danh M đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo:

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội đồng phạm nhưng không có bàn bạc với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T là người chủ động tấn công bị hại nên phải chịu trách nhiệm chính; khi thấy T bị Q1 đánh thì M đã tiếp nhận ý chí, cùng xông vào đánh Q1 nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm của mình.

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo T 02 năm 06 tháng tù và M 02 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp được chứng cứ nào mới để được xem xét cho kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với bị cáo T1. Xét thấy, ngoài lời khai của bị hại cho rằng K có tham gia đánh bị hại thì không có chứng cứ nào khác chứng minh K có tham gia đánh bị hại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của Luật sư.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại Vũ Hữu Q

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Hữu Q, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2025.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh M 02 (H2) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2025.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí: Bị hại Vũ Hữu Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 06, 27 CA TP Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 13, TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 13, TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 13,
TP Hồ Chí Minh;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu. (15)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Thúc

